

Bản án số: 36/2022/HS-ST
Ngày 09-8-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ni

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Hùng
Ông Lê Văn Lil

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng Nghi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Nguyễn Phú Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2022/TLST - HS ngày 28 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Tạ Minh Q, sinh năm 2000, tại huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp HV, xã AT, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Văn T, sinh năm 1982 và bà Hồng Thị YY, sinh năm 1984; anh, chị em ruột: 02 người, lớn là bị cáo, nhỏ sinh năm 2002; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo Tạ Minh Q bị tạm giam từ ngày 10/3/2022 đến ngày 22/6/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh (có mặt).

Bị hại: Bà Trần Thị Th, sinh năm 1950 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp HV xã AT, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Tạ Minh Q là cháu nội của bà Trần Thị Th, từ nhỏ bị cáo Q đã sống cùng nhà với bà Th tại ấp HV, xã AT, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Khoảng tháng 02/2021, bị cáo Q biết bà Th chuyển nhượng quyền sử dụng đất được số tiền 300.000.000 đồng và cất giữ trong tủ tại nhà nên xin tiền mua xe mô tô sử dụng nhưng bà Th không cho. Đến khoảng tháng 4 năm 2021, Q thấy chìa khóa tủ nơi

bà Th cất giữ tiền nên lấy chìa khóa mở cửa tủ lén lút chiếm đoạt số tiền 116.000.000 đồng. Lấy được tiền, Q mua điện thoại di động để sử dụng và tiêu xài cá nhân hết. Đến khoảng tháng 6 năm 2021 bà Th phát hiện tiền bị mất trộm đã trình báo sự việc đến Công an xã AT để tiến hành xác minh làm rõ. Qua nghi vấn Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H làm việc với bị cáo Q và bị cáo Q đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình.

- Về thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: Số tiền 116.000.000 đồng bị cáo Q đã tiêu xài cá nhân hết nên không tiến hành thu hồi được.

- Về phân trách nhiệm dân sự: Bị cáo Q đã bồi thường cho bà Th số tiền 20.000.000 đồng, bà Th không có yêu cầu gì thêm về phân trách nhiệm dân sự và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Q.

Tại Cáo trạng số 32/CT-VKS-KSĐT, ngày 22/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Tạ Minh Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố đề nghị giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với bị cáo Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Tạ Minh Q từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt vào chấp hành án, đối trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/3/2022 đến ngày 22/6/2022.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên không xem xét, giải quyết.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về vật chứng: Không thu giữ được nên không xem xét.

- Về án phí hình sự sơ thẩm buộc bị cáo Q phải chịu án phí số tiền 200.000 đồng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Tạ Minh Q đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo cáo trạng đã nêu. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nên đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng tháng 4 năm 2021, bị cáo Q thấy chìa khóa tủ nơi bà Th cất giữ tiền nên lấy chìa khóa mở cửa tủ lén lút chiếm đoạt số tiền 116.000.000 đồng của bà Th. Lấy được tiền, bị cáo Q mua điện thoại di động để sử dụng và tiêu xài cá nhân hết. Đến khoảng tháng 6 năm 2021 bà Th phát hiện tiền bị mất trộm đã trình báo sự việc đến Công an xã An Trạch, huyện H, tỉnh Bạc Liêu để tiến hành xác minh làm rõ. Qua nghi vấn Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H làm việc với bị cáo Q và bị cáo Q đã thừa nhận đã lén lút chiếm đoạt của bà Th số tiền 116.000.000 đồng trong khoảng thời gian tháng 04 năm 2022.

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Q về tội danh, điểm, khoản, điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã là người thành niên và có khả năng nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị xử lý, nhưng vì động cơ tham lam, lười lao động, muốn có tiền sử dụng không phải sức lao động của mình nên đã thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung với loại tội phạm này.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị hại bà Trần Thị Th sinh năm 1950, tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bà thì bà Th đã trên 70 tuổi nên hành vi của bị cáo thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội với người đủ 70 tuổi trở lên theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, nên trong lúc quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo được hưởng.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại một phần tài sản, không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Vật chứng vụ án: Không thu giữ được nên không xem xét.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Tạ Minh Q phải nộp số tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Tạ Minh Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Tạ Minh Q 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt vào thi hành án, đối trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/3/2022 đến ngày 22/6/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về vật chứng vụ án: Không thu giữ được nên không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Tạ Minh Q phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng.

5. Án xử sơ thẩm, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện H;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- Cơ quan điều tra Công an huyện H;
- Thi hành án HS Công an huyện H;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện H;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ni

